

BÁO CÁO

tổng kết thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (Chương trình số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026), Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Chương trình số 09-CTr/TU ngày 30/12/2025); để phục vụ xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, Tỉnh ủy tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU) như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU NGÀY 25/11/2021 CỦA TỈNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời Nghị quyết số 06-NQ/TU và các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp; đồng thời, đã chỉ đạo Đảng ủy UBND tỉnh triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, các Bộ, ngành, Tỉnh ủy có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp¹.

Trên cơ sở Nghị quyết số 06-NQ/TU, Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND

¹ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 05/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng...

tỉnh xây dựng và ban hành, trình cấp thẩm quyền ban hành nhiều văn bản để tổ chức thực hiện².

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng, hướng đến quản lý, sử dụng và khai thác bền vững tài nguyên rừng. Thường xuyên rà soát, cập nhật các điểm nóng và nắm chắc thông tin các đối tượng có hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật để kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm, kịp thời từng vụ việc. Tăng cường kiểm tra, xử lý các phương tiện giao thông không đủ điều kiện lưu hành được các đối tượng dùng để vận chuyển lâm sản trái phép; quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ, mộc dân dụng, kiên quyết đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép các cơ sở vi phạm (như ngoài quy hoạch, không có giấy phép, không chứng minh được nguồn gốc lâm sản...); thúc đẩy công tác phát triển rừng thông qua các hoạt động trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi bảo vệ, giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn gắn với hỗ trợ sinh kế để phát triển rừng.

Công tác quán triệt chủ trương phát triển lâm nghiệp bền vững được triển khai bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp. Các cấp ủy, chính quyền đã ban hành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết; đồng thời thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2020 - 2025

- Độ che phủ rừng đến năm 2025 là 59,45%.
- Trồng rừng tập trung 160.908 ha³, bình quân đạt khoảng 32.181 ha/năm. Trồng cây phân tán 37 triệu cây.

² Kế hoạch số 443/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể một số chính sách trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án hỗ trợ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022 - 2030; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025; Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

³ - Trồng rừng đặc dụng: Diện tích trồng mới là 345 ha, diện tích được thiết lập và trồng theo các dự án bảo vệ và phát triển rừng trồng rừng thay thế, loài cây trồng rừng là các loài cây bản địa như: Muồng đen, Lỗ thọt, Thông,...

- Trồng rừng phòng hộ: Diện tích trồng mới là 1.429,7 ha, diện tích rừng được thiết lập theo các dự án bảo vệ và phát triển rừng thuộc lâm phần quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ, các dự án trồng rừng thay thế, của các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân đầu tư sau khai thác tận thu sau bảo,.... Loài cây trồng rừng là các loài cây bản địa như: Thông ba lá, Lim xanh, Lát hoa, Muồng đen,...

- Diện tích rừng có trồng Sâm Ngọc Linh 3.228 ha đạt 71,7% mục tiêu Nghị quyết 06-NQ/TU.

- Khoanh nuôi phục hồi rừng: 6.589,16 ha (Khoanh nuôi mới 2.823,4 ha; khoanh nuôi chuyển tiếp 3.766,2 ha). Nuôi dưỡng làm giàu rừng: 420,2 ha.

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Sau 5 năm diện tích rừng tự nhiên thiệt hại 221,5 ha (đã lập hồ sơ xử lý vi phạm), diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ít bị tác động.

- Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp: Trong giai đoạn 2020 - 2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã phát hiện 1.932 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp; trong đó: Năm 2020 là 709 vụ; năm 2021 là 463 vụ; năm 2022 là 297 vụ; năm 2023 là 190 vụ; năm 2024 là 190 vụ; năm 2025 là 90 vụ. Nhìn chung có xu hướng giảm dần qua các năm.

- Công tác giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng: Giai đoạn 2020 - 2025 tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư là 11.127,69 ha; diện tích cho thuê rừng là 43,07 ha rừng tự nhiên (*Dự án vườn hoa Măng Đen, Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao*); diện tích thu hồi rừng là 169,22 ha⁴.

- Khai thác, sử dụng rừng: Giai đoạn từ năm 2020 - 2025, tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 15,7 triệu m³ (đạt bình quân khoảng trên 2,6 triệu m³/năm); diện tích khai thác bình quân mỗi năm khai thác đạt khoảng 32.000 ha, diện tích khai thác chủ yếu rừng trồng Keo lai tập trung thuộc sở hữu của các công ty, hộ gia đình, cá nhân tại các xã phía Đông tỉnh Quảng Ngãi, tuổi khai thác rừng trồng từ 4-6 năm tuổi; phần lớn được tiêu thụ trong tỉnh và phục vụ nguyên liệu cho các nhà máy dăm gỗ, viên nén gỗ, ván ép, gỗ xẻ xây dựng.

- Huy động nguồn lực để phát triển ngành lâm nghiệp: Giai đoạn 2020 - 2025 đã huy động hơn **14.685,88** tỷ đồng (vốn ngân sách 435,38 tỷ đồng, tiền dịch vụ môi trường rừng 1.973 tỷ đồng, trồng sâm Ngọc linh dưới tán rừng 12.124 tỷ đồng, trồng mới hàng năm hơn 32.000 ha rừng giá trị sản xuất hơn 125 tỷ đồng, thu tiền trồng rừng thay thế 28,5 tỷ đồng).

2. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp

2.1. Về công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Các cấp ủy đảng đã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết đến các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức kinh tế và Nhân dân. Các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng, tố giác tội phạm. Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động

- Trồng rừng sản xuất: Tổng diện tích trồng rừng là 159.134,3 ha. Loài cây trồng rừng là các loại Keo lai. Diện tích trồng chủ yếu là các hộ gia đình cá nhân trồng rừng bằng vốn tự có; vốn liên kết với doanh nghiệp để thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.

⁴ Lý do thu hồi: cộng đồng tự nguyện trả lại rừng theo quy định tại Điều 22 Luật Lâm nghiệp.

các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh⁵.

Qua các hoạt động tuyên truyền đã tạo được những chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, Nhân dân trên địa bàn về trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng. Tình hình quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, quản lý lâm sản ở nhiều địa bàn có chuyển biến tốt, có nhiều điển hình và nhân tố mới trong quản lý bảo vệ rừng đã có tác dụng tích cực để góp phần thúc đẩy sự nghiệp quản lý bảo vệ rừng ở địa phương.

2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Qua triển khai các nội dung chỉ đạo tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng đã nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đã khắc phục những tồn tại, yếu kém trong lãnh, chỉ đạo; cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể đã thật sự quan tâm, thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng; phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của chủ rừng.

Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng được chú trọng, giai đoạn 2021 - 2025 có 17 trường hợp đảng viên bị kỷ luật liên quan đến vi phạm lâm nghiệp. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đã được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Trung ương⁶, hạn chế tối đa chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; theo đó, giai đoạn 2021 - 2025 có 441,11 ha đã được chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đối với các dự án nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đối với 55 Dự án.

⁵ Từ năm 2020 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh tổ chức được 9.532 cuộc tuyên truyền với 451.566 lượt người tham gia. Thực hiện chuyên mục Quản lý bảo vệ rừng trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh 33 số và Báo Kon Tum 33 số; VTV8 thực hiện 03 chuyên mục Quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh; VTV1 làm 01 phóng sự bảo tồn loài và đa dạng sinh học trên huyện Kon Plông; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng triển khai tổ chức Hội nghị tuyên truyền chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng trên huyện Sa Thầy, huyện Đăk Tô, huyện Tu Mơ Rông và huyện Kon Plông; xây dựng hoàn thiện bộ tài liệu tuyên truyền gồm 4 tiểu phẩm được biên tập hai thứ tiếng (Kinh và Bahnar); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh biên soạn sổ tay tuyên truyền, bảo vệ và phát triển rừng; Thông tin báo chí, đăng tin, bài trên trang thông tin điện tử 436 bài. Tổ chức FFI, Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (Green Viet) tuyên truyền công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã, thi công lắp đặt 07 bảng truyền thông về Chà vá chân xám. Tập huấn kỹ thuật trồng rừng và được liệu trên địa bàn 10 huyện, thành phố có hơn 420 người tham gia. In ấn cấp phát tờ rơi hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng rừng bằng 04 thứ tiếng: Kinh, Bahnar, Xê đăng, Giẻ triêng, Gia rai. Trong 3 năm qua, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát sóng gần 80 tin, 50 bài, 39 chuyên mục tuyên truyền về kết quả thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng trên 2 làn sóng phát thanh, truyền hình. Thông qua các phương tiện thông tin, truyền thông trên nền tảng mạng xã hội cũng đem lại kết quả tích cực.

⁶ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương; Thông báo số 191/TB-VPKP ngày 22/7/2016 của Văn phòng Chính phủ

Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng được đồng bộ và chặt chẽ hơn; công tác theo dõi, nắm bắt thông tin và chủ động tổ chức lực lượng triệt phá các tụ điểm khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản cũng như phá rừng được thực hiện quyết liệt. Các vụ vi phạm được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp giảm dần qua các năm.

Để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành lâm nghiệp, UBND tỉnh đã kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thành Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và thành lập Tổ công tác liên ngành quản lý, bảo vệ rừng cấp tỉnh, huyện, xã theo hướng tinh gọn; rà soát, sắp xếp các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp đảm bảo việc phân cấp quản lý theo đúng quy định, tập trung một đầu mối về cơ quan quản lý chuyên ngành, đảm bảo cho công tác tham mưu và chỉ đạo điều hành đồng bộ, toàn diện.

Giải quyết diện tích đất chồng lấn, lấn chiếm, việc rà soát, xác định diện tích đất lấn chiếm trong các đơn vị chủ rừng đã được triển khai thực hiện, diện tích đất rừng bị chồng lấn, lấn chiếm hiện nay 4.902,478 ha (diện tích chồng lấn 2.942,20 ha; diện tích lấn chiếm 1.960,278 ha). Công tác giải quyết tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật luôn được các địa phương quan tâm thực hiện và đã không để xảy ra các vụ việc tranh chấp kéo dài.

UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác sắp xếp đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp gắn với việc đảm bảo sinh kế và giải quyết chế độ cho người lao động. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, các đối tượng sử dụng đất có nguồn gốc từ nông lâm trường; thu hồi đất sử dụng không đúng mục đích, sai quy hoạch; lấn chiếm; giao khoán, cho thuê sai quy định; chuyển nhượng, mua bán trái phép. Thường xuyên đánh giá năng lực, trách nhiệm đội ngũ lãnh đạo các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp (100% vốn nhà nước), phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong quản trị doanh nghiệp và có phương án sắp xếp, thay thế phù hợp, kết quả từ năm 2020 đến nay cấp có thẩm quyền đã xử lý kỷ luật đối với 07 cá nhân.

Thực hiện nghiêm chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên. Các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng, giao rừng, cho thuê rừng được kiểm soát chặt chẽ, qua đó phát hiện sai phạm xử lý theo quy định⁷.

Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ được quan tâm, giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát chất lượng; 100% giống cây Bạch đàn, Keo lai được ứng dụng công nghệ nuôi cây mô, từ đó năng suất, sản lượng rừng

⁷ Phát hiện sai phạm tại Hợp tác xã nông nghiệp Tuyết Sơn Kon Plông, Công ty CP dược liệu MEKONG, Công ty TNHH MTV Bửu Lộc An (È ban Farm), Công ty TNHH ADC. Tham mưu cấp thẩm quyền quyết định xử phạt hành chính hơn 22 triệu đồng và khắc phục hậu quả theo quy định; đang tham mưu UBND tỉnh thu hồi diện tích rừng và đất rừng đã giao cho Công ty TNHH Thái Hoà, Công ty TNHH ADC; Công ty TNHH Mỹ Long Măng Đen; Hợp tác xã Lan rừng Măng Đen và một phần diện tích của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại 16-3 trên cơ sở đơn tự nguyện trả lại rừng.

trồng được nâng cao. Bên cạnh đó Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đang khảo nghiệm 51 dòng Bạch đàn phục vụ cho việc phát triển vùng nguyên liệu, kết quả khảo nghiệm trên 500 ha cho thấy hơn 45 dòng triển vọng đáp ứng yêu cầu trồng rừng nguyên liệu giấy. Từ năm 2021 đến nay đã tiếp nhận và tổ chức thẩm định, công nhận 45 nguồn giống⁸ cây trồng lâm nghiệp; có 03 đơn vị tổ chức sản xuất giống cây trồng nuôi cấy mô với các dòng cây Keo lai⁹.

Ngoài việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng, ngành lâm nghiệp còn ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng. 100% các đơn vị chủ rừng có sử dụng công nghệ GIS và viễn thám; hệ thống định vị toàn cầu (GPS) trong theo dõi diễn biến rừng và tuần tra bảo vệ rừng.

2.3. Nâng cao hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp

Các cơ chế, chính sách hiện hành về lâm nghiệp được thực hiện có hiệu quả như: chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; chính sách thu hút đầu tư trong nông nghiệp nông thôn; chính sách đầu tư rừng đặc dụng...

Chính sách cung ứng tín chỉ các bon đang trong tiến trình chuẩn bị thực hiện. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp đang thúc đẩy triển khai sáng kiến Liên minh giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp trên địa bàn các tỉnh Miền trung và Tây nguyên trong đó có tỉnh Quảng Ngãi.

Rà soát các quy định, chính sách hiện hành đề nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung cho phù hợp để thúc đẩy phát triển lâm nghiệp, qua đó đã đề nghị Chính phủ bổ sung chính sách cho thuê môi trường rừng để trồng cây dược liệu (đã được tích hợp vào dự thảo Luật đất đai sửa đổi).

Chính sách khoán quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng cho người dân, cộng đồng dân cư được quan tâm, thời gian qua đã khoán bảo vệ rừng trên 134.816,76 ha (tương đương 674.080 ha các năm khoán) cho các cộng đồng, hộ gia đình.

2.4. Tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững

UBND các huyện, thành phố (nay là UBND các xã), các đơn vị chủ rừng đã xây dựng kế hoạch/dự án để triển khai thực hiện Nghị quyết. UBND các huyện, thành phố đều có dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất để huy động vốn thực hiện tốt chỉ tiêu trồng rừng được UBND tỉnh giao.

Công tác thu hút đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp được chú trọng, đặc biệt là thu hút đầu tư các nhà máy chế biến gỗ rừng trồng, thu hút trồng rừng và sản xuất lâm sản theo hướng hiện đại. Hiện nay đang thực hiện việc kêu gọi đầu tư đối với

⁸ Nguồn giống là vườn cây đầu dòng cung cấp hom với tổng số lượng là 306.550 cây giống, gồm Keo lai các dòng BV10, BV16, BV73, BV75, AH1, AH7,... (17 nguồn giống). Nguồn giống là cây trội có 180 cây, gồm: 152 cây Lôi thọ (Bò ma), 02 cây Sơn Tra, 18 cây Ươi, 08 cây Huỳnh (28 nguồn giống).

⁹ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín và Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi.

Nhà máy Bột - Giấy VNT19, Công ty cổ phần An Hoà, Công ty cổ phần chế biến gỗ Woodland, Công ty cổ phần Sao Việt (Tuyên Quang), Tổng Công ty Giấy Việt Nam.

Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp được thúc đẩy, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông liên kết với Công ty cổ phần Sâm Ngọc Linh trồng cây Giổi lấy hạt; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô liên kết với Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam trồng rừng nguyên liệu, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Glei liên kết với người dân trồng rừng sản xuất.

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện để phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ từng bước hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics.

Để tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường liên hệ các Bộ ngành Trung ương thúc đẩy dự án hỗ trợ lâm nghiệp do Liên minh Châu Âu (EU) tài trợ với mục tiêu đóng góp vào tăng trưởng xanh, bền vững và toàn diện cũng như giảm tổn thương do biến đổi khí hậu với nhiệm vụ chính tăng cường công tác bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững; thúc đẩy chuỗi giá trị từ rừng bảo đảm bền vững về môi trường với sự tham gia công bằng và bình đẳng giới hơn của các bên liên quan.

2.5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

Tổng vốn huy động thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2020 - 2025 khoảng: **14.685.880** triệu đồng, trong đó:

- Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 2021 - 2025: 43.294 triệu đồng (*vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương*).

- Vốn thực hiện Dự án 3 (*Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị*) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 197.945 triệu đồng (*vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương*).

- Vốn ngân sách địa phương: 194.138 triệu đồng.

- Tiền dịch vụ môi trường rừng: 1.973.000 triệu đồng.

- Tiền trồng rừng thay thế của các doanh nghiệp nộp: 28.503 triệu đồng.

- Vốn đầu tư của doanh nghiệp, hộ gia đình trồng rừng sản xuất: 125.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư trồng sâm Ngọc linh dưới tán rừng 12.124.000 triệu đồng

2.6. Tổ chức giám sát và đánh giá

Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát 02 chuyên đề: (1) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu trồng rừng trên

địa bàn tỉnh năm 2022; (2) Giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Trên cơ sở các kiến nghị, đề xuất của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế, đồng thời triển khai thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục phát triển lâm nghiệp bền vững trong thời gian đến.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh được nâng lên; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng được tăng cường; đã huy động toàn hệ thống chính trị và Nhân dân tích cực tham gia quản lý, bảo vệ rừng. Qua đó hoạt động lâm nghiệp của tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, trong đó, cơ bản nhất là bảo vệ được vốn rừng hiện có, duy trì độ che phủ của rừng đến năm 2025 là 59,45%. Công tác theo dõi, nắm bắt thông tin, xử lý các vụ khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản đạt nhiều kết quả tích cực; đã xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Đã tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn, thu hút người dân sống gần rừng tham gia vào sản xuất lâm nghiệp, tạo thêm thu nhập, góp phần ổn định đời sống, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa. Ngoài ra, việc đầu tư cho các hoạt động lâm nghiệp cũng đã góp phần cùng với các chương trình khác của Nhà nước xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội và an ninh quốc phòng.

- Rừng tự nhiên được quản lý, bảo vệ tốt, tăng khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường, bảo tồn tính đa dạng sinh học. Đã thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên, dừng các dự án chuyển đổi rừng tự nhiên sang mục đích khác, không cấp phép khai thác tận dụng trên diện tích rừng tự nhiên đối các dự án đã có quyết định chuyển đổi nhưng chưa khai thác tận dụng.

- Tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp được sắp xếp, kiện toàn, bộ máy, nhân sự hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp đã dần hoạt động ổn định và hiệu quả. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành; thường xuyên luân chuyển cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, không bố trí các trường hợp đã bị xử lý kỷ luật hoặc có dấu hiệu vi phạm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Các khó khăn vướng mắc về hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được chính quyền địa phương xác định rõ và kiến nghị với bộ, ngành Trung ương. Đồng thời, đã ban hành một số chính sách hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm ưu đãi, thu hút các dự án đầu tư về phát triển lâm nghiệp và công tác giao đất, giao rừng cho các cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ theo quy định, nhất là đầu tư phát triển được liệu dưới tán rừng để vừa đạt mục tiêu phát triển được liệu, kinh tế - xã hội gắn với công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng tích cực, từ khai thác lâm sản tự nhiên chuyển dần sang trồng rừng và dịch vụ lâm nghiệp. Sản xuất lâm nghiệp tăng trưởng khá, tỷ trọng đóng góp của ngành lâm nghiệp vào tổng giá trị sản phẩm của tỉnh (GRDP) ngày càng tăng; đời sống người dân sống dựa vào tài nguyên rừng được nâng cao.

- Chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp được cụ thể hóa đầy đủ hơn; quản lý nhà nước chủ yếu bằng công cụ pháp luật, chính sách; nhận thức của xã hội về ngành kinh tế lâm nghiệp ngày càng được nâng cao.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Tăng trưởng của ngành lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, tác động của ngành lâm nghiệp đối với việc xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế, người dân sống chưa thể sống ổn định bằng nghề rừng.

- Việc đảm bảo cho ngành lâm nghiệp của tỉnh phát triển nhanh và bền vững còn khó khăn; nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động sản xuất lâm nghiệp còn thiếu, chưa thu hút hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia, cơ chế tín dụng đầu tư trong lâm nghiệp hạn chế, nhất là các ngân hàng thương mại chưa quan tâm cung cấp các gói tín dụng cho đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển rừng sản xuất.

- Cơ cấu quản lý sử dụng rừng và đất rừng chưa hợp lý. Hầu hết diện tích đất lâm nghiệp do Nhà nước quản lý, diện tích giao cho hộ gia đình, tổ chức và cá nhân còn ít. Việc quản lý sử dụng rừng và đất lâm nghiệp có phân tách biệt và khép kín đã tạo ra rào cản cho việc tổ chức các hoạt động sản xuất lâm nghiệp khác như trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản, gây cản trở cho việc thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư vào việc bảo vệ và phát triển rừng. Năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu chưa hiệu quả, tính tự chủ thấp, chưa tạo được sự liên kết các hoạt động sản xuất lâm nghiệp từ khâu trồng rừng, khai thác, chế biến đến tiếp thị thương mại sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, không huy động được vốn đầu tư cho phát triển lâu dài.

- Chưa khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng, đặc biệt sử dụng đất lâm nghiệp còn lãng phí. Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp chế biến và sử dụng của nhân dân; khai thác, sử dụng các loại lâm sản ngoài gỗ còn hạn chế. Thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên một cách triệt để và tức thời cũng đã gây thiệt hại lớn cho công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh và khó khăn gỗ dân dụng cho Nhân dân địa phương.

- Việc thành lập các mô hình kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình trong lâm nghiệp, thúc đẩy liên kết với các thành phần kinh tế khác để nâng cao giá trị hàng hóa lâm sản còn hạn chế. Chưa có giải pháp khuyến khích người dân tại địa bàn chuyển đổi diện tích đất trồng cây nông nghiệp hằng năm trên đất lâm nghiệp kém hiệu quả sang trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả đa mục đích có giá trị kinh tế cao hơn.

- Một số ngành, địa phương còn buông lỏng quản lý để chủ đầu tư một số dự án có giao đất giao rừng, sử dụng đất sai mục đích dẫn đến mất rừng.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong công tác phát triển lâm nghiệp bền vững có mặt chưa chặt chẽ, đồng bộ.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh và đời sống người dân còn nhiều khó khăn; nhận thức của một bộ phận dân cư vùng nông thôn còn hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, phát triển lâm nghiệp.

- Hoạt động sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ dài, độ rủi ro cao (*địa bàn vùng sâu, vùng xa, điều kiện tự nhiên khó khăn, chi phí đầu tư cao, thiên tai, hỏa hoạn...*), lợi nhuận thấp nên chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư và các nguồn lực xã hội tham gia trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản. Chính sách thu hút đầu tư trong lâm nghiệp chưa tạo đột phá, hấp dẫn nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Diện tích rừng lớn, sức ép dân số lên đất rừng và lâm sản ngày càng gia tăng, nhất là đối với khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Tình hình giá cả thị trường của một số loại nông sản như: sầu riêng, cà phê, sắn... tăng cao đã tác động không nhỏ đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, người dân phá rừng để lấy đất sản xuất.

- Chính sách cho những người làm công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn bất cập, chưa phù hợp; lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách phải làm việc ở nơi xa xôi, hẻo lánh, giờ giấc nghiêm ngặt, khối lượng công việc chuyên môn nhiều, áp lực cao, trách nhiệm lớn, thu nhập thấp, các chế độ đãi ngộ không có dẫn đến ở một số đơn vị xảy ra tình trạng thôi việc, nghỉ việc, chuyển công tác, nghỉ hưu sớm... gây ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý bảo vệ rừng¹⁰.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Nguồn vốn phát triển lâm nghiệp chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; nguồn lực của khu vực ngoài quốc doanh còn nhiều tiềm năng nhưng chưa được phát huy.

- Mô hình các công ty lâm nghiệp hoạt động chưa có hiệu quả, cơ chế liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để trồng rừng sản xuất còn nhiều bất cập nên khó thực hiện.

- Các chỉ tiêu như giao đất giao rừng, cho thuê rừng; xây dựng được ít nhất 01 nhà máy chế biến gỗ công suất trên 50.000m³/năm không đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra do Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đăng ký khảo sát lập dự án đầu tư điện sinh khối tại huyện Ngọc Hồi nhưng không triển khai thực hiện.

- Nguyên nhân tình hình vi phạm Luật lâm nghiệp vẫn xảy ra: (i) Năng lực tổ chức, điều hành và tinh thần trách nhiệm của một số chủ rừng còn hạn chế; (ii) lực lượng bảo vệ rừng ở một số nơi có tình trạng buông lỏng quản lý; (iii) chính quyền

¹⁰ Trong 5 năm có 107 công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác (trong đó: Nghỉ hưu trước tuổi 5 người, chuyển công tác 14 người, thôi việc, bỏ việc 88 người).

cấp xã thiếu sự kiểm tra, chấn chỉnh thường xuyên; (iv) Việc kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra vào khu vực biên giới chưa chặt chẽ...

IV. PHÂN TÍCH SWOT THỰC TRẠNG NGÀNH LÂM NGHIỆP HIỆN NAY

1. Điểm mạnh (S): Quảng Ngãi có diện tích rừng và đất lâm nghiệp khá lớn, đặc biệt ở khu vực phía tây tỉnh. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng mưa cao phù hợp phát triển rừng trồng. Chế biến gỗ có thị trường ổn định; sản phẩm dăm gỗ nguyên liệu giấy tăng mạnh. Chu kỳ trồng rừng ngắn, quay vòng vốn nhanh. Lao động trong khu vực lâm nghiệp dồi dào. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có nhiều lợi thế

2. Điểm yếu (W): Chủ yếu xuất khẩu dăm gỗ, gỗ nguyên liệu thô, giá trị kinh tế thấp, phụ thuộc thị trường nước ngoài. Phần lớn rừng trồng thuộc hộ gia đình khó áp dụng công nghệ cao, chứng chỉ rừng (FSC). Rừng trồng chu kỳ ngắn, gỗ nhỏ, chưa đáp ứng ngành chế biến sâu (đồ nội thất, gỗ xẻ). Lao động qua đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu trong thời đại mới

3. Cơ hội (O): Ngành chế biến gỗ Việt Nam tăng trưởng mạnh tạo đầu ra ổn định cho rừng trồng. Chi trả dịch vụ môi trường rừng, các bon rừng, Chứng chỉ rừng FSC nâng cao chất lượng rừng trồng. Sự phát triển công nghiệp (đặc biệt khu kinh tế Dung Quất) tạo cơ hội: Thu hút đầu tư nhà máy chế biến gỗ và hình thành chuỗi giá trị lâm sản. Có nhiều tiềm năng về du lịch sinh thái, dược liệu, lâm sản dưới tán rừng.

4. Thách thức (T): Điều kiện khí hậu cực đoan (bão, lũ, hạn hán, mưa đá, sương muối) thiệt hại lớn cho rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ. Thị trường xuất khẩu dăm gỗ phụ thuộc vào các nước Trung Quốc, Nhật Bản... dễ bị biến động giá. Khai thác rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng ảnh hưởng đa dạng sinh học, thu hẹp diện tích quy hoạch lâm nghiệp. Quy định của thị trường quốc tế phải truy xuất nguồn gốc gỗ, chứng chỉ bền vững gây khó cho sản xuất nhỏ lẻ.

PHẦN II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIẠN ĐẾN

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển lâm nghiệp bền vững, đa giá trị và hiện đại hóa ngành lâm nghiệp theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, phù hợp với xu thế phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu. Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư để phát triển nhanh và bền vững ngành lâm nghiệp; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; bảo đảm sự thống nhất giữa quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng tài nguyên rừng.

2. Chú trọng nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng dịch vụ hệ sinh thái rừng;

phát triển lâm nghiệp phải góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống người dân, nhất là người dân sống gần rừng, đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Phát triển lâm nghiệp của tỉnh thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có đóng góp ngày càng cao cho tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP). Định hướng đến năm 2035, ngành lâm nghiệp của tỉnh có sức cạnh tranh cao, tạo ra sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, tham gia trong chuỗi cung ứng giá trị lâm sản quốc gia.

2. Chỉ tiêu

a) Chỉ tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt **60%**.
- Giai đoạn 2026 - 2030, trồng mới **135.000** ha rừng tập trung (trong đó trồng lại rừng sau khai thác 134.000 ha; trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng 1.000 ha); trồng **40** triệu cây phân tán; khoanh nuôi phục hồi rừng (khoanh nuôi mới và chuyển tiếp) **3.000** ha; nuôi dưỡng làm giàu rừng **1.000** ha; phát triển lâm sản ngoài gỗ **2.500** ha; giải quyết việc làm cho khoảng **40.000** lao động/năm.
- **100%** diện tích rừng có chủ quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp; cho thuê đất gắn thuê rừng, thuê môi trường rừng khoảng **50.000** ha để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) khoảng **40.000** ha.
- Phân đầu đến năm 2030 ngành lâm nghiệp giảm phát thải **1,129 triệu** tấn các-bon, hấp thụ và lưu giữ khoảng **10 triệu** tấn các-bon.
- Giai đoạn 2026 – 2030, khai thác và chế biến **13,4 triệu m³** gỗ thành các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.
- Ngành công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh cơ bản hiện đại, đủ năng lực về công nghệ tham gia hội nhập thị trường trong nước và quốc tế; thu hút thêm ít nhất **01** nhà máy chế biến gỗ công suất trên **50.000 m³/năm**.
- Giai đoạn 2026 – 2030, huy động khoảng **19.000** tỷ đồng để tập trung phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng **6%**, đóng góp của ngành lâm nghiệp vào GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng **7%**.

b) Chỉ tiêu đến năm 2035

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt **60%**, tập trung nâng cao chất lượng rừng.
- Hình thành vùng rừng trồng nguyên liệu tập trung có chất lượng, đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.
- Đóng góp của ngành lâm nghiệp vào GRDP của tỉnh đến năm 2035 đạt khoảng **10%**.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

Thường xuyên xây dựng các phóng sự, bài viết đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Kiên toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan quản lý nhà nước ngành lâm nghiệp. Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Xác định công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa chính quyền địa phương, chủ rừng, lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội, cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đẩy mạnh điều tra, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án về lĩnh vực lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên phù hợp với quy định và tình hình thực tế. Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp vốn nhà nước, các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định. Đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh để phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ điều tra kiểm kê rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, phân định diện tích 03 loại rừng tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Phân định rõ ranh giới của các chủ rừng, rà soát đưa diện tích xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp không để phát sinh chồng lấn, lấn chiếm mới.

Giám sát diễn biến rừng trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, đồng bộ để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư có chuyển mục

đích sử dụng rừng; các dự án có giao rừng, cho thuê rừng, thuê môi trường rừng; các dự án lâm nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, tránh thất thoát vốn đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thanh tra đối với các hoạt động về lâm nghiệp, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, đầu tư, phát triển, chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp, nhất là hoạt động kinh doanh gỗ và lâm sản. Tăng cường quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có, trọng tâm là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm nhanh trên cả 03 tiêu chí số vụ, khối lượng gỗ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại.

Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác tư vấn, phản biện, giám sát, bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên liên quan quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quy định, chính sách về đầu tư, phát triển lâm nghiệp. Triển khai các cuộc vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia sản xuất lâm nghiệp.

3. Nâng cao hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp

Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về lâm nghiệp; nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của địa phương phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thực hiện tốt chính sách khoán bảo vệ rừng và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, cộng đồng dân cư.

Nghiên cứu tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách mới như: Chính sách thúc đẩy xã hội hóa lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, chính sách cung ứng tín chỉ cac-bon rừng; thí điểm thực hiện chính sách bảo hiểm trong lâm nghiệp, nhất là bảo hiểm rừng trồng; cơ chế thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (Hiệp định VPA/FLEGT Việt Nam-EU); Quy định chống phá rừng của EU (EUDR)...

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Lâm nghiệp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định còn bất cập, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các luật liên quan và các điều ước quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững. Tập trung hoàn thiện chính sách về đất đai, trồng rừng và vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ gia đình sử dụng đất hiệu quả và tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi để phát triển lâm nghiệp.

4. Tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững

Xây dựng, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp, trọng tâm là Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư trong lĩnh vực kinh tế lâm nghiệp, nhất là thu hút các mô hình nông - lâm kết hợp, trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ, phát triển du lịch sinh thái.

Nghiên cứu, lựa chọn, phát triển mạnh các mô hình kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình trong lâm nghiệp, thúc đẩy liên kết với các thành phần kinh tế khác để nâng cao giá trị hàng hóa lâm sản. Thúc đẩy, hỗ trợ thực hiện mô hình liên kết “06 nhà” (Nhà nước, Nông dân, Nhà khoa học, Doanh nghiệp, Ngân hàng, Nhà phân phối) trong chuỗi sản xuất lâm nghiệp.

Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp nhất là hạ tầng khu, cụm công nghiệp, logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp, tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực, doanh nghiệp để triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp. Phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung ứng lâm sản toàn cầu. Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo về lâm nghiệp để quảng bá giá trị lâm sản của tỉnh, đồng thời kết nối giữa nghiên cứu, sản xuất và tiêu dùng.

Tập trung nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt việc trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng trên diện tích rừng suy giảm qua các thời kỳ, chuyển đổi kinh doanh gỗ nguyên liệu sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn để đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030. Lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 để hỗ trợ người dân trồng rừng sản xuất.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

Lồng ghép, bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp và tiền dịch vụ môi trường rừng. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp từ du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon từ rừng...

Tăng cường xã hội hóa, vận động, huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

6. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lâm nghiệp

- Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn ISO cho ngành lâm nghiệp để quản lý, giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện số hóa trong các hoạt động lâm nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng nuôi cấy mô, chọn giống ưu trội, bảo tồn nguồn gen quý. Ứng dụng internet vạn vật (IoT) để theo dõi đất, độ ẩm, dinh dưỡng, vi khí hậu vườn ươm cây giống lâm nghiệp; nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo kết hợp với dữ liệu lớn (AI/Big Data) để dự báo sinh trưởng, sâu bệnh, năng suất nhằm giảm rủi ro đầu tư. Xây dựng bản đồ số vùng trồng (GIS) gắn mã vùng trồng. Ứng dụng công

nghệ QR code/Blockchain lưu trữ toàn bộ dữ liệu chuỗi giá trị từ giống, trồng, khai thác, chế biến, phân phối.

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, P. TH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

U Huấn